

KHÁI QUÁT LỊCH SỬ TIẾNG VIỆT

KẾT QUẢ CẨN ĐẠT

Có những hiểu biết khái quát về tiếng Việt cùng nguồn gốc và quan hệ họ hàng của nó.

I – KHÁI QUÁT VỀ TIẾNG VIỆT

Việt Nam là một quốc gia nhiều dân tộc. Theo số liệu thống kê, nước ta có 54 dân tộc, trong đó có dân tộc Việt (còn gọi là dân tộc Kinh).

Mỗi dân tộc có ngôn ngữ riêng, được dùng để giao tiếp trong nội bộ từng dân tộc.
Tiếng Việt là ngôn ngữ của dân tộc Việt.

Có một tình hình khác là hiện nay, ở nước ta, khi thành viên của dân tộc này tiếp xúc với thành viên của dân tộc khác thì tiếng Việt được dùng làm công cụ giao tiếp chung. Điều đó có nghĩa là tiếng Việt đang giữ vai trò *một ngôn ngữ có tính chất phổ thông*.

Hơn nữa, từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay, tiếng Việt còn đảm nhiệm một vai trò mới. Đó là vai trò của một ngôn ngữ văn hoá phát triển toàn diện được dùng trong mọi hoạt động của đời sống xã hội Việt Nam. Mọi văn kiện của quốc gia đều công bố bằng tiếng Việt. Nhà trường các cấp, từ phổ thông đến đại học, đều dạy và học bằng tiếng Việt. Các thành tựu về khoa học, kỹ thuật, công nghệ đều được ghi lại bằng tiếng Việt. Văn học nghệ thuật bằng tiếng Việt tiếp tục phát triển... Có thể nói từ thực tế lịch sử, tiếng Việt đang giữ vị thế *một ngôn ngữ quốc gia*.

II – NGUỒN GỐC VÀ QUAN HỆ HỌ HÀNG CỦA TIẾNG VIỆT

1. Về nguồn gốc của tiếng Việt

Tiếng Việt, cũng như dân tộc Việt, có nguồn gốc rất cổ xưa.

Trước đây, có quan điểm cho rằng dân tộc Việt là một tộc người từ Trung Hoa vượt sông Dương Tử di cư đến, rồi định cư trên đất Việt Nam và tiếng nói của tộc người đó là một nhánh của tiếng Hán. Theo quan điểm đó thì tiếng Việt có nguồn gốc từ tiếng Hán. Thành tựu nghiên cứu khoa học nhiều năm

gần đây bác bỏ quan điểm đó và chỉ ra rằng tiếng Việt cùng với dân tộc Việt có *nguồn gốc bản địa* rất đậm nét, xuất hiện và trưởng thành từ rất sớm trên lưu vực sông Hồng và sông Mã, trong một xã hội có nền văn minh nông nghiệp đạt tới một trình độ phát triển khá cao.

2. Về quan hệ họ hàng của tiếng Việt

Tiếng Việt thuộc *họ Nam Á*. Đó là một họ ngôn ngữ có từ rất xưa, trên một vùng rộng lớn ở Đông – Nam châu Á ; vùng này vốn là một trung tâm văn hoá trên thế giới, thời cổ.

Trong họ Nam Á, các nhà nghiên cứu tìm thấy nhiều dấu tích về mối quan hệ họ hàng gần gũi giữa tiếng Việt với tiếng Mường và mối quan hệ họ hàng tương đối xa hơn giữa tiếng Việt với nhóm tiếng Môn – Khmer ở vùng núi phía bắc, ở dọc Trường Sơn, ở miền Tây Nguyên, ở trên đất Cam-pu-chia, Mi-an-ma,... Những dấu tích ấy thể hiện rõ nhất ở lớp từ cơ bản, tức là những từ thông dụng đã có từ lâu đời. Chẳng hạn, trong tiếng Việt có từ *tay* thì từ tương đương trong tiếng Mường là *thay*, trong tiếng Khơ Mú, tiếng Ba Na, tiếng Mnông, tiếng Xtiêng là *ti*, trong tiếng Khmer là *day*, trong tiếng Môn là *tai*,...

Tiếng Việt cũng còn có mối quan hệ tiếp xúc lâu đời với nhiều ngôn ngữ khác ngoài họ Nam Á, nhất là với các ngôn ngữ thuộc nhóm *Tày – Thái* và *Mã Lai – Đa Đảo*. Chẳng hạn, nếu những từ *trăng, mưa, gió, nước, sông, chim, mặt, chân,...* được xác nhận là cùng gốc với những từ tương đương trong nhóm tiếng Môn – Khmer, thì những từ như *đồng, rẫy, mồ, gà, vịt, lồng, bụng,...* lại được chứng minh là cùng gốc với những từ tương đương trong nhóm tiếng Thái.

Như vậy, có thể cho rằng nhiều ngôn ngữ của các dân tộc ở Việt Nam đều sinh ra từ một cội nguồn chung xa xưa, trong những điều kiện địa lí, lịch sử, văn hoá, xã hội gần gũi nhau. Từ cội nguồn ấy, tiếng Việt đã có quá trình phát triển riêng đầy sức sống, trong sự gắn bó với xã hội người Việt, với sự trưởng thành mạnh mẽ của tinh thần dân tộc tự cường và tự chủ.

LUYỆN TẬP

1. Hãy tìm hiểu về cư dân vùng anh (chị) đang ở : những cư dân đó thuộc những dân tộc nào, hàng ngày dùng ngôn ngữ nào để giao tiếp với nhau. Từ đó, hãy trình bày hiểu biết của anh (chị) về vai trò của tiếng Việt trong đời sống xã hội Việt Nam ngày nay.
2. Hãy trình bày về quan hệ họ hàng của tiếng Việt.